

26

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA NGOẠI NGỮ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: **TIẾNG TRUNG CƠ BẢN 3**

Tên học phần bằng tiếng Anh: **GENERAL CHINESE 3**

Mã học phần: **NN01021**

Loại môn học: *Cơ sở*

Số tín chỉ: 4 tín chỉ (trong đó 2.0 tín chỉ lý thuyết, 1.5 giờ tín chỉ thực hành, 0.5 tín chỉ tự học).

Số tiết học: 120 tiết (trong đó 30 tiết lý thuyết, 45 tiết thực hành, 45 tiết tự học).

Số tiết học cá nhân: 80 tiết

Loại học phần: *bắt buộc*

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ 3

Môn học tiên quyết: *Không*

Các yêu cầu khác đối với học phần: *Ban quản lý Đào tạo thực hiện xếp lớp sinh viên được xếp lớp theo những quy định hiện hành về số lượng sinh viên.*

Bộ môn/Khoa phụ trách: KHOA NGOẠI NGỮ

Văn phòng khoa: NGOẠI NGỮ

Người phụ trách: ThS. Trần Thị Thanh Huyền

Điện thoại, email: 0983 445 866 – tthuyenthanh@gmail.com

Các giảng viên tham gia giảng dạy: *Đội ngũ giảng viên tiếng Trung Khoa Ngoại ngữ:*

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Số điện thoại di động	Email
1.	Nguyễn Thị Thu Hương	ThS, GVC	0382355235	xiang51073@yahoo.com
2.	Trần Thị Thanh Huyền	ThS, GVC	0983445866	tthuyenthanh@gmail.com
3.	Nguyễn Hồng Thủy	ThS, GV	0989326549	hongthuyajc@gmail.com
4.	Trịnh Thị Diệu Huyền	ThS, GV	01673651665	huyen.hocvien@gmail.com
5.	Nguyễn Thanh Phương	ThS, GV	0912880642	<u>phanhatkhanganh@gmail.com</u>

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung

Kết thúc học phần Tiếng Trung cơ bản 3, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Trung bậc trung cấp tương đương với HSK3 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi (汉语水平考试)). Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ đầu trung cấp để xử lý hầu hết các tình huống với nhiều chủ đề khác nhau, có khả năng diễn đạt quan điểm về một số chủ đề trong học tập và cuộc sống như thời tiết, du lịch, sở thích

2.2. Mục tiêu cụ thể:

Trang bị kiến thức cơ bản trên các bình diện ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng ở bậc HSK3

- Kiến thức

+ **Ngữ âm** : Phát âm chuẩn các từ đơn lẻ, các câu ngắn và dài. Trong giao tiếp, khi phải nói cả đoạn dài có thể nói lưu loát với tốc độ từ chậm tới vừa; có khả năng tự phát hiện ra lỗi và điều chỉnh lỗi phát âm sai; dần hoàn thiện kỹ năng phát âm của mình.

+ **Ngữ pháp**: Trang bị các kiến thức ngữ pháp ở bậc sơ trung cấp. Sử dụng một cách hợp lý và chính xác các cấu trúc câu hay dùng thường ngày, các mẫu ngữ pháp gắn liền với những tình huống quen thuộc như câu so sánh, câu sử dụng bổ ngữ xu hướng đơn, trợ từ ngữ khí 了, các liên từ 不但.....而且..., bổ ngữ động lượng, lặp lại hình dung từ....

+ **Từ vựng**: Có thể diễn đạt một cách rõ ràng, rành mạch về các chủ đề đã được học, biết cách kết hợp các từ, cụm từ một cách tự nhiên và linh hoạt; có khả năng diễn đạt quan điểm về một số chủ đề trong học tập và cuộc sống như thời tiết, du lịch, sở thích.

+ **Văn hóa**: Được trang bị một số kiến thức văn hóa của người Trung Quốc liên quan và ảnh hưởng đến việc sử dụng ngôn ngữ (tiếng Việt, tiếng Trung) thể hiện trong các chủ đề được học, biết cách sử dụng các yếu tố ngôn ngữ dựa theo ngữ cảnh văn hóa cụ thể.

- Kỹ năng

Kỹ năng: Phát triển kỹ năng ngôn ngữ ở bậc sơ trung cấp (bậc 3 Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi - 汉语水平考试)

+ **Kỹ năng đọc hiểu**: Đọc lưu loát, và hiểu được nội dung các hội thoại đơn giản có tính truyền tải thông tin; Đọc lướt nhanh nội dung các văn bản để xác định các thông tin cần tìm, nắm được ý chính của đoạn văn bản và hoàn thành một vài nhiệm vụ cụ thể theo yêu cầu của giảng viên

+ **Kỹ năng nghe hiểu**: Nắm được ý chính khi nghe các thông tin sự kiện đơn giản hàng ngày. Hiểu được các từ khóa, điểm chính của trong các bài được nghe liên quan đến các đề tài quen thuộc, thường gặp tại nơi làm việc, trường học, vui chơi giải trí...

+ **Kỹ năng nói:** Giao tiếp cơ bản, khá tự tin về các chủ đề học tập sinh hoạt thường ngày hay không thường ngày. Biểu đạt được mong muốn, sở thích, yêu cầu của các nhân một cách rõ ràng, mạch lạc, đôi lúc có thể ngập ngừng khi thiếu vốn từ nhưng về cơ bản không ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp; Trình bày có chuẩn bị trước một cách dễ dàng về một đề tài quen thuộc trong được học trong sách một cách rõ ràng, rành mạch.

+ **Kỹ năng viết:** Viết được các đoạn hội thoại ngắn và vừa một cách đơn giản, dễ hiểu, viết các bài đoạn hội thoại có nội dung tương tự bài đã học về những trải nghiệm, mô tả cảm xúc và phản ứng trong một văn bản đơn giản, có tính kết nối;

- **Mức tư chủ và trách nhiệm:** Nâng cao ý thức tự học và luyện tập, đặc biệt là tinh thần chủ động trong việc tiếp xúc với tiếng Trung thông qua các hoạt động đọc, nghe, giao tiếp ngoài giờ học. Yêu thích việc học tiếng Trung, có khả năng tự tra cứu, tự làm việc độc lập, có đam mê học hỏi và nghiên cứu nền văn hóa Trung Quốc.

3. **Chuẩn đầu ra học phần (CLOs: Course learning outcomes, không quá 5 chuẩn đầu ra)**

STT	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Phương pháp dạy - học	Hình thức KTĐG
CLO1	Ghi nhớ được cách viết chữ Hán, các kiến thức ngôn ngữ về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp ở trình độ sơ cấp thấp tương đương HSK 1 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi (汉语水平考试)).	Nêu vấn đề, hỏi đáp, thuyết trình, tự học	Điểm danh chuyên cần, hỏi – đáp, quan sát các hoạt động học tập
CLO2	Hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản liên quan đến các giao tiếp thiết yếu hàng ngày (gia đình, bản thân, mua sắm, hỏi đường, v.v.)	Nêu vấn đề, thảo luận, thuyết trình, tự học	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, nội dung tự học, hỏi – đáp, quan sát các hoạt động học tập
CLO3	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ đã học để trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hàng ngày, diễn đạt bản thân như viết đoạn văn ngắn và đơn giản, tương tác bằng tiếng Trung một cách phù hợp về văn hoá với các chủ đề tương đối đơn giản liên quan đến cuộc sống hàng ngày như mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh.	Nêu vấn đề, thảo luận, thuyết trình, làm việc nhóm, tự học	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, nội dung tự học, hỏi – đáp, quan sát các hoạt động học tập, bài kiểm tra giữa kỳ
CLO4	Hình thành ý thức, khả năng chủ động trong hoạt động học tập, tự học, tự rèn	Nêu vấn đề, thảo luận, thuyết trình,	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, nội dung tự

	luyện bằng việc chủ động tiếp xúc với tiếng Trung như đọc, nghe tiếng Trung, giao tiếp bằng tiếng Trung ngoài giờ lên lớp, thông qua kết quả của các hoạt động tự học.	làm việc nhóm, tự học	học, hỏi – đáp, quan sát các hoạt động học tập. Bài kiểm tra cuối kỳ
--	--	-----------------------	--

4. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy

TT	Tuần	Nội dung	Số tiết						CĐR học phần (CLOs)
			Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
			Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng lý thuyết	Tại phòng thực hành	Thực địa/ trực tuyến		
1	1	第一课:我比你更喜欢音乐 1、 课文 (一)北京比上海大吧 (二)我比你更喜欢音乐 二、生词 三、注释 (一)怎么说呢 (二)我还是喜欢古典音乐 (三)这几年变化很大 (四)上海的气温比北京高得多	0		5			3	
2	2	四、语法 (一) 比较句:“比”字句,A 有没有 B(这么那么)+形容词、“更”和“最” (二)数量补语 (三)感叹句 Tự học 五、练习 1,2,3,4	2.5		2.5			3	1,2,3,5

3	3	<p>第二课:我们那儿的冬天跟北京一样冷</p> <p>一、课文</p> <p>(1) 我们那儿的冬天跟北京一样冷</p> <p>(2) 我跟你不一样</p> <p>Tự học</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释 (一) 好了</p> <p>(二) 我只是对中国历史感兴趣</p> <p>四、语法</p> <p>(一) 比较句:跟.....一样/不一样</p> <p>(二) 不但.....而且.....</p> <p>五、练习</p>	2		3			3	1,2,3,5
4	4	<p>第三课 冬天快要到了</p> <p>一、课文</p> <p>(一) 快走吧,要上课了</p> <p>(二) 我姐姐下个月就要结婚了</p> <p>Tự học</p> <p>2、生词</p>		2			3	3	1,2,3,5
5	5	<p>三、注释</p> <p>(一).....着呢</p> <p>(二)都.....了</p> <p>(三)着什么急</p> <p>(四)该换电池了</p> <p>(五)有什么好事啦</p> <p>四、语法</p> <p>(一)变化的表达:语气助词“了”(2)</p> <p>(二)动作即将</p>	2.5		2.5			3	1,2,3,4,5

		发生 (三)状语与结构助词“地” (四)无主语句 Tự học 五、练习							
6	6	第四课: 快上来吧,要开车了 一、课文 (一)我给您捎来了一些东西 (二)快上来吧,要开车了 Tự học 二、生词		2			3	3	1,2,3,5
7	7	三、注释 (一)小林 (二)你不是到台湾开教学研讨会去了吗? (三)慢走 (四)还麻烦你跑一趟 (五)不回来的同学跟我说一声 四、语法:动作趋向的表达:简单趋向补语:动词+来/去 Tự học 五、练习	2.5		2.5			3	1,2,3,4,5
8	8	第五课: 我听过钢琴协奏曲《黄河》 1、 课文 (1)我吃过中药 (二)你以前来过中国吗 (三)我听过钢琴协奏曲《黄河》 二、生词 三、注释 (一)《黄河》 (二)《梁祝》		2			3	3	1,2,3,5

		(三).....极了 (四)我一次病 也没得过 (五)好借好还, 再借不难 Tự học 3、 语法 (1)经历和经验的 表达:动词+ 过 (二)动作行为 进行的数量:动 量补语 (三)序数的表 达 五、练习							
9	9	第六课 我是跟 旅游团一起来 的 一、课文 (一)我是跟旅 游团一起来的 (二)你的汉语 是在哪儿学的 Tự học 二、生词 - Kiểm tra giữa kỳ	2.5		2.5			3	1,2,3,5
10	10	三、注释 (一)孔子 (二)马马虎虎 (三)老外 四、语法 (一) 是.....的 (二)一.....就 (三)程度的表 达:形容词重叠 Tự học 五、练习	1		4			3	
11	11	第七课:我的护 照你找到了没 有 1、 课文 (1)我的护照你 找到了没有 (二)我是球迷		2				3	3 1,2,3,5

		二、生词 三、注释 (一)我找了半天也没找着 (二)我看球迷一个个都有点不正常 四、语法 (一) 主谓谓语句(2) (二)结果补语: 在、着(zháo) 、好、成 Tự học 五、练习							
12	12	第八课：我的眼镜摔坏了 一、课文 (1)我们的照片洗好了 (2)我的眼镜摔坏了 Tự học 二、生词	2.5		2.5			3	1,2,3,4,5
13	13	三、注释 (二)我的眼镜摔坏了 (一)不怎么样 (二)颜色深了一点儿 (三)别提了 (四)差(一)点儿 (五)今天倒霉得很 四、语法 (一) 被动意义的表达:被动句 (二) 量词重叠 (三)一年比一年 Tự học 五、练习	2.5		2.5			3	1,2,3,5
14	14	第九课：钥匙忘拔下来了一 一、课文 二、生词		2			3	3	1,2,3,4,5

		三、语法 动作趋向的表 达:复合趋向补 语 Tự học 四、练习							
15	15	第十课 会议厅 的门开着呢 一、课文 (1)会议厅的门 开着呢 (二)墙 上贴着红双喜 字 Tự học 二、生词 三、语法 动作 或状态的持续: 动词+着 四、练习	2		3			3	1,2,3,4,5
		TỔNG	20	10	30			15	45

5. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	PLOs														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO1				5				3					3		
CLO2				5				3					3		
CLO3				5				3					3		
CLO4				5				3					3		
Tổng hợp học phần				5				3					3		

6. Phương pháp giảng dạy

Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp dạy	CLOs			
	(1)	(2)	(3)	(4)
Thuyết trình, giải thích	x	x		
Dạy theo tình huống, đóng vai	x	x	x	
Chia nhóm, cặp	x	x	x	x
Giao bài tập thực hành	x	x	x	x
Hướng dẫn cách tra cứu thông tin trên Internet, chủ động tiếp xúc và rèn luyện kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ.	x	x	x	x

7. Phương pháp học

Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp học	CLOs			
	(1)	(2)	(3)	(4)
Nghe giảng, tiếp nhận thông tin, ghi chép	x	x		
Học theo tình huống, đóng vai	x	x	x	
Tranh luận, thực hành theo nhóm, cặp	x	x	x	x
Bài tập thực hành cá nhân ở nhà	x	x	x	x
Tự nghiên cứu thông tin trên Internet, chủ động tiếp xúc và tiếp nhận kiến thức và rèn kỹ năng ngôn ngữ	x	x	x	x

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần Tiếng Anh học phần 1:

T	T	Tên học phần	Trực tiếp							Trực tuyến (tối đa 30%)								
			Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
	1	Tiếng Trung học phần 3	x	x			x				x	x			x			

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần Tiếng Trung học phần 3

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá			Trọng số	CĐR học phần (CLOs)
	Trực tiếp	Trực tuyến	Cách thức		
Đánh giá quá trình	x	x	Chuyên cần: Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, kết quả hoạt động tự học, quan sát việc gia các hoạt động học ở trên lớp	20%	1,2,3,4,5
Đánh giá giữa kỳ	x		Tự luận + Trắc nghiệm: Sinh viên làm bài viết kiểm tra 3 kỹ năng nghe, đọc, viết giữa kì	30%	1,2,3,4,5
Đánh giá cuối kỳ	x		Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp : Sinh viên làm bài viết kiểm tra 3 kỹ năng nghe, đọc, viết và bài nói cuối kì	50%	1,2,3,4,5

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Giờ lý thuyết: Tham dự đầy đủ các buổi học trong chương trình
- Giờ thực hành: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động, tham gia thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên.
- Giờ tự học: Thực hiện đầy đủ các hoạt động tự học được giảng viên giao, nộp bài kiểm tra/bài tập cá nhân theo đúng thời hạn quy định

10. Học liệu

10.1. Học liệu bắt buộc

1. 杨寄洲主编 2013. 汉语教程 (修订本)第册二上. 北京语言大学出版社
2. (Dương Ký Châu 2013 Giáo trình Hán ngữ (phiên bản mới) - Quyển 3. Nhà xuất bản đại học ngôn ngữ Bắc Kinh)

10.2. Học liệu tham khảo

1. 邱军主编 2018. 成功之路 I. 进步篇 1. 北京语言大学出版社。
2. 姜丽萍主编 2015 汉语水平考试(3 级) 北京语言大学出版社



GIAM ĐỐC

PGS, TS Phạm Minh Sơn

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Thị Việt Nga

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Trần Thị Thanh Huyền